

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 716 /2018/HS-PT
Ngày 05&06 -11 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mai Văn Quang

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Phở

Ông Trần Nam Hà

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Công Huy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà:

Bà Nguyễn Thị Cẩm Thủy - Kiểm sát viên

Vào các ngày 05 và 06 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 686/2018/HSPT ngày 08 tháng 10 năm 2018 với bị cáo Lê Đình H do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 94/2018/HSST ngày 25/7/2018 của Tòa án nhân dân quận X, Hà Nội

Bị cáo bị kháng nghị: Lê Đình H, sinh năm 1973; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú Tổ 15 phường B, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú số 4 ngõ 1 đường H, tổ 15, phường B, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp không; trình độ văn hoá 12/12; dân tộc Kinh; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Lê Đình V và bà Trần Thị H; có vợ là Nguyễn Thị H; tiền án; tiền sự không. Danh chỉ bản số 314 lập ngày 03/9/2015 tại Công an quận X, thành phố Hà Nội; bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại không kháng cáo: Anh Đinh Thế D, sinh năm 1978; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú số 25, ngõ 316 Đê La Thành, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội; trú tại: Số 5 ngõ 192/248/28 phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội – vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không kháng cáo:

1. Chị Kiều Thị Nguyệt Ng, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 12 ngách 28 ngõ 162 đường Khương Đình, phường H, quận X, thành phố Hà Nội – vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 4 ngõ 1 đường Huỳnh Thúc Kháng, tổ 15, phường B, thành phố T, tỉnh Ninh Bình – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận X, Hà Nội và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận X, Hà Nội thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 5/2014, thông qua mối quan hệ bạn bè với chị Kiều Thị Nguyệt Ng, Lê Đình H có quen anh Đinh Thế D. Qua nói chuyện với chị Ng, anh D, H được biết anh D đang muốn chuyển công tác từ Tổng công ty kinh tế kỹ thuật công nghiệp quốc phòng - Bộ quốc phòng sang Tổng cục 4 - Bộ công an. Mặc dù không có khả năng xin việc nhưng H nói với anh D là có quen biết với nhiều lãnh đạo cao cấp ở Bộ công an nên có thể xin chuyển công tác cho anh D từ Bộ quốc phòng sang Bộ công an mục đích nhằm chiếm đoạt tài sản của anh D. H yêu cầu anh D chuẩn bị 01 bộ hồ sơ và số tiền 400.000.000 đồng để H xin chuyển công tác cho anh D. Sau đó, anh D có đưa cho H 01 bộ hồ sơ, H nhận mang về cất ở nhà thuê trọ tại số 18D1 - CT4 khu đô thị V, phường L, quận H, thành phố Hà Nội. Còn số tiền 400.000.000 đồng anh D đưa cho H làm 2 lần.

Lần thứ nhất: Ngày 22/7/2014, tại quán cà phê Cây Sưa nhà N2E đường Lê Văn Lương, phường Nh, quận X, thành phố Hà Nội. Có sự chứng kiến của chị Kiều Thị Nguyệt Ng, anh D đưa cho H số tiền 200.000.000 đồng, H nhận tiền và viết giấy

nhận tiền với nội dung để chi phí cho việc chuyển công tác của anh D trong thời gian 3 tháng (ký hiệu tài liệu giám định A1).

Lần thứ hai: Ngày 11/8/2014, cũng tại quán cà phê Cây Sưa nhà N2E đường Lê Văn Lương, phường Nh, quận X, thành phố Hà Nội. Có sự chứng kiến của chị Kiều Thị Nguyệt Ng, anh D đưa cho H số tiền 200.000.000 đồng, H nhận tiền và viết giấy nhận tiền với nội dung để lo chi phí cho việc chuyển công tác cho anh D sang Bộ công an (ký hiệu tài liệu giám định A2).

Sau khi nhận hồ sơ của anh D, H không nộp cho ai hay cơ quan nào cả. Hiện hồ sơ của anh D, H đã làm mất. Còn tiền, H sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Sau đó, H tắt điện thoại, không gặp gỡ, liên lạc gì với anh D nữa. Qua nhiều lần tìm kiếm, liên lạc với Lê Đình H không được nên ngày 08/11/2014, anh Đình Thế D đã làm đơn tố cáo hành vi phạm tội của H đến cơ quan công an.

Xác minh tại Tổng cục 4 - Bộ công an xác định không nhận được hồ sơ xin chuyển công tác đứng tên ông Đình Thế D sinh năm 1978, HKTT: số 25 ngõ 316 phường Ô, quận Đ, thành phố Hà Nội, hiện đang công tác tại Đơn vị T504 - Tổng cục công nghiệp quốc phòng - Bộ quốc phòng.

Tại bản kết luận giám định chữ viết số 1042/C54 - P5 ngày 11/3/2015 của Viện khoa học hình sự - Tổng cục cảnh sát - Bộ công an xác định: Chữ viết, chữ ký trên 02 giấy nhận tiền ký hiệu A1, A2 so với chữ viết, chữ ký của Lê Đình H trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 do cùng một người viết, ký ra.

Ngày 10/02/2015, chị Nguyễn Thị H (là vợ của Lê Đình H) đã trả lại anh Đình Thế D số tiền 400.000.000 đồng, anh D đã nhận lại số tiền 400.000.000 đồng và có đơn xin rút đơn tố cáo đối với Lê Đình H.

Tại Cơ quan điều tra, Lê Đình H khai nhận hành vi phạm tội của mình như nêu trên. H khai: Ngày 22/07/2014 sau khi nhận 200.000.000 đồng của anh D, H đưa cho chị Ng 30.000.000 đồng để cảm ơn việc chị Ng giới thiệu anh D cho H.

Tại Cơ quan điều tra, chị Kiều Thị Nguyệt Ng trình bày: Ngày 22/7/2014, H không đưa số tiền 30.000.000 đồng cho chị như lời khai của H. Ngoài lời khai của H không có tài liệu chứng cứ gì khác nên không đủ cơ sở kết luận chị Ng đã nhận số tiền 30.000.000 đồng nêu trên.

Quá trình điều tra bổ sung, Lê Đình H khai nhận sau khi nhận số tiền 400.000.000 đồng của anh Đình Thế D, ngoài số tiền H đưa cho chị Kiều Thị Nguyệt Ng 30.000.000 đồng để cảm ơn công của Ng giới thiệu D cho H thì H còn đưa cho anh Dương Minh L (sinh năm 1968, trú tại số 12 ngõ 200 phố T, phường H, quận Đ, thành phố Hà Nội) số tiền 370.000.000 đồng để lo việc chuyển công tác cho D. Kết quả điều tra xác định anh Dương Minh L đã chết từ ngày 05/6/2015. Ngoài lời khai, Lê Đình H không xuất trình được giấy tờ, tài liệu gì thể hiện việc đã đưa tiền cho anh L. Vì vậy, Cơ quan điều tra không đủ cơ sở kết luận Lê Đình H đưa cho anh Dương Minh L số tiền 370.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 94/2018/HSST ngày 25/7/2018 của Tòa án nhân dân quận X, Hà Nội đã xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo bị cáo Lê Đình H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt Lê Đình H 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án.

- Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường B, thành phố T, tỉnh Ninh Bình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo pH chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/8/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận X có Quyết định kháng nghị số 116/QĐ-VKSTX đối với bản án hình sự sơ thẩm số 94/2018/HSST ngày 25/7/2018 của Tòa án nhân dân quận X, Hà Nội; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo Lê Đình H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo trình bày cho rằng bị cáo không có ý thức chiếm đoạt, số tiền bị cáo nhận của bị hại đã đưa cho anh Dương Minh L để anh L xin việc cho bị hại; bị cáo cho rằng mình bị oan đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội vẫn giữ nguyên nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận X và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm; phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, tuy nhiên căn cứ vào lời khai ban đầu của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như Bản tự kiểm điểm của bị cáo, Giấy biên nhận tiền; Biên bản xác minh tại Tổng cục 4 - Bộ Công an, đã có đủ cơ sở kết luận việc Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng pháp luật, không oan. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo 36 tháng tù là phù hợp. Tuy nhiên, căn cứ mức độ phạm tội của bị cáo, thái độ của bị cáo không ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử cho bị cáo được hưởng án treo là

không đúng. Do đó, có cơ sở chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận X.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm d khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; xử phạt bị cáo Lê Đình H 3 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận X, thành phố Hà Nội trong hạn luật định nên hợp lệ được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm; phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận có nhận của bị hại Đinh Thế D 400.000.000 đồng để xin chuyển công tác cho anh D, số tiền trên bị cáo đã chuyển cho anh Dương Minh L để nhờ xin chuyển công tác cho anh D, bị cáo không thừa nhận có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai ban đầu của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Giấy biên nhận tiền và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng tháng 6 năm 2014, thông qua chị Kiều Thị Nguyệt Ng, Lê Đình H gặp anh Đinh Thế D và giới thiệu với anh D là có quan hệ với nhiều lãnh đạo cấp cao ở Bộ Công an và hứa hẹn với anh Đinh Thế D là có khả năng xin chuyển công tác cho anh D vào làm việc tại Tổng cục 4 - Bộ công an nhưng pH chi phí là 400.000.000 đồng. Anh Đinh Thế D tin tưởng thông tin do H đưa ra nên vào các ngày 22/7/2014 và ngày 11/8/2014, anh D đã đưa cho Lê Đình H số tiền 400.000.000 đồng (Lê Đình H đã viết giấy nhận tiền để xin việc cho anh D); sau khi nhận tiền, H đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết số tiền trên. Như vậy, mặc dù không có chức năng tuyển dụng cán bộ cho Tổng cục 4 - Bộ Công an và không có khả năng xin chuyển công tác cho anh

Đinh Thế D nhưng bị cáo đã đưa ra những thông tin gian dối để chiếm đoạt số tiền 400.000.000 đồng của anh Đinh Thế D. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai sau khi nhận tiền của anh D, bị cáo đã đưa cho chị Kiều Thị Nguyệt Ng 30.000.000 đồng để cảm ơn công của chị Ng giới thiệu anh D và đưa cho anh Dương Minh L số tiền 370.000.000 đồng để lo việc chuyển công tác cho anh D, nhưng anh L đã chết vào ngày 05/6/2015 và chị Kiều Thị Nguyệt Ng không thừa nhận đã nhận tiền của bị cáo. Ngoài lời khai nêu trên của bị cáo thì không có tài liệu nào khác để chứng minh cho lời nại ra nêu trên của bị cáo. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo với tội danh và điều luật như trên là đúng pháp luật, không oan. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân và đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi của mình, đã tác động đến gia đình khắc phục hậu quả trả bị hại số tiền 400.000.000 đồng trước khi Cơ quan điều tra ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, người bị hại có đơn rút tố cáo và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, bị cáo đã có thời gian phục vụ trong quân đội nên đã xử phạt bị cáo 36 tháng tù là phù hợp. Tuy nhiên, xét bị cáo chiếm đoạt số tiền rất lớn, tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm, bị cáo có thái độ không thành khẩn nhận tội, không ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên không thể để bị cáo tự cải tạo ngoài xã hội được mà cần buộc bị cáo đi chấp hành hình phạt tù. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận X.

Về án phí: Theo qui định của pháp luật, bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Chấp nhận Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận X, xử:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt Lê Đình H 03 (ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27.2.2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, Lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Đình H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 06/11/2018.

Nơi nhận:

- VKS thành phố HN;
- VKSND quận X, Hà Nội;
- Công an quận X, Hà Nội
- TAND quận X, Hà Nội
- Chi cục THADS quận X, Hà Nội
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
- Lưu HSVA; VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Văn Quang

